

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG CĂN BẢN 2

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung căn bản 2

2. Mã học phần: TTRUNG 016

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 45 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Trung căn bản 1.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhoa11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu hỏi dùng 呢, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ 的, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ 有, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền, số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc 又...又..., 一点儿 và 有一点儿, 还是 và 或者. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu CTĐT
MT1	Kiến thức		
	<p>Trình bày kiến thức về các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ đề giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo. - Ngữ pháp: Câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền - số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”. 	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Đọc hiểu được nội dung các đoạn hội thoại, đoạn văn trong học phần.	3	[1.2.2.3]
MT2.2	Sử dụng thành thạo từ vựng, cấu trúc câu để biểu đạt được nội dung về các chủ đề giao tiếp hằng ngày trong học phần.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CDR của CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua đồ.	2	[2.1.2]
CDR1.2	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm của từ	2	[2.1.2]

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CDR của CTĐT
	vùng trong học phần.		
CDR1.3	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ.	2	[2.1.2]
CDR1.4	Nêu được cấu tạo, cách sử dụng cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, cấu trúc “又... 又...”.	2	[2.1.2]
CDR1.5	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động.	2	[2.1.2]
CDR1.6	Xác định được ý nghĩa, đặc điểm, cách cấu tạo của động từ lặp lại.	2	[2.1.2]
CDR1.7	Trình bày được cách nói giá tiền - số tự nhiên.	2	[2.1.2]
CDR1.8	Phân biệt được cách dùng “在、正、正在”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”.	2	[2.1.2]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Viết đúng, nhớ mặt chữ và nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.6]
CDR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vùng trong học phần để diễn đạt ý muốn nói; đặt câu, viết câu.	3	[2.2.6]
CDR2.3	Sử dụng được các từ vùng, các hiện tượng ngữ pháp trong học phần để đọc hiểu và dịch được nội bài đọc ra tiếng Việt, hoàn thành bài tập.	3	[2.2.6]
CDR2.4	Sử dụng từ mới và cấu trúc ngữ pháp trong học phần viết được các đoạn văn ngắn khoảng 50 - 80 từ về các chủ đề: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo.	3	[2.2.6]
CDR2.5	Giao tiếp lưu loát bằng tiếng Trung về các chủ đề giao tiếp trong học phần.	3	[2.2.6]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1								CDR2					CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第十三课：这是不是中药	2	2	2	2	2				2	2	2		2	2	2	2
2	第十四课：你的车是新的还是旧的	2	2	2		2				2	2	2	2	2	2	2	2
3	第十五课：你们公司有多少职员	2	2		2	2				2	2	2	2	2	2	2	2
4	第十六课：你常去图书馆吗？	2	2						2	2	2	2	2	2	2	2	2
5	第十七课：他在做什么呢	2	2			2			2	2	2	2		2	2	2	2
6	第十八课：我去邮局寄包裹	2	2			2				2	2	2	2	2	2	2	2
7	第十九课：可以试试吗	2	2				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên	1 điểm	20%	- Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá bài tập cá nhân. - Đánh giá chuyên cần.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Tự luận (90 phút).	CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7.	CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Trắc nghiệm kết hợp (90 phút).	CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Dương Ký Châu (2014), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển thượng)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] - Dương Ký Châu (2014), *Giáo trình Hán ngữ (tập 2, quyển hạ)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[3] - Khương Lê Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 1*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] - Khương Lê Bình (2020), *Giáo trình chuẩn HSK 2*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	<p>第十三课: 这是不是中药?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo câu vị ngữ hình dung từ, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ“的”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Hội thoại giới thiệu tên một số đồ vật dùng trong cuộc sống hằng ngày. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 <ul style="list-style-type: none"> (一) 形容词谓语句 (二) 正反问句 (三) “的” 字词组 五、语音 六、练习 	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học theo cặp, nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ ngôn ngữ. + Nhận xét, đánh giá kết quả <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 13 trang 110-122. [3]: Bài 4, mục 2 trang 36. [3]: Bài 6, mục 2 trang 54. [4]: Bài 3, trang 32-34. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới. + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả. + Thực hành hội thoại hỏi đáp về đồ vật. + Làm bài tập cá nhân, theo 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			cặp, theo nhóm trong [1]: Bài 13, trang 119-121.	
2	<p>第十四课: 你的车是新的还是旧的?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Giới thiệu được đồ vật mình yêu thích. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>（一）主语谓语句(1)</p> <p>（二）选择问句: ... 还是...?</p> <p>（三）省略问句: “...呢?”</p> <p>五、语音</p> <p>六、练习</p>	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học theo cặp, nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ ngôn ngữ. + Nhận xét, đánh giá kết quả <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 14 trang 124-135. [3]: Bài 4, mục 3 trang 36. [3]: Bài 12, mục 3 trang 103, mục 4 trang 104. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới. + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả. + Thực hành hội thoại hỏi đáp về màu sắc, kích thước của đồ vật. + Viết đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật yêu thích. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Bài 14, trang 133-135. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
3	<p>第十五课: 你们公司有多少职员</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo câu chữ “有”; cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Giới thiệu được về gia đình. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p> (一) “有”字句</p> <p> (二) 称数法</p> <p> (三) 询问数量</p> <p> (四) 数量词组</p> <p>五、语音</p> <p>六、练习</p>	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học theo cặp, nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ ngôn ngữ. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 15 trang 137-150. [3]: Bài 10 trang 84-86. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới. + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả. + Thực hành hội thoại hỏi đáp về gia đình. + Viết đoạn văn ngắn miêu tả gia đình của mình. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [1]: Bài 15, trang 147-150. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
4	<p>第十六课: 你常去图书馆吗</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán 	8 (6LT, 0TH, 2KT)	<p>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học theo cặp, nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.8,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>trong phần từ mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo trạng ngữ chỉ thời gian, liên từ “或者” và “还是”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Giới thiệu được về hoạt động ở thư viện. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>（一）时间词语作状语</p> <p>（二）“还是”和“或者”</p> <p>五、语音：句重音</p> <p>六、练习</p> <p>Kiểm tra giữa học phần</p>		<ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ ngôn ngữ. + Nhận xét, đánh giá kết quả <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [2]: Bài 16 trang 1- 7. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới. + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả. + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về hoạt động ở thư viện. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [2]: Bài 16, trang 9-13. + Làm bài kiểm tra. 	<p>CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.</p>
5	<p>第十七课: 他在做什么呢</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành 	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học theo cặp, nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu 	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>thạo câu động từ 2 tân ngữ, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Hội thoại, độc thoại giới thiệu được về những hoạt động đang xảy ra. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）动作的进行 （二）双宾语句 （三）询问动作行为的方式：怎么+动词 五、语音 六、练习</p>		<p>trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ ngôn ngữ. + Nhận xét, đánh giá kết quả <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [2]: Bài 17 trang 14-20. [3]: Bài 13 trang 110-112. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới. + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả. + Thực hành hội thoại hỏi đáp hoạt động đang xảy ra. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [2]: Bài 17, trang 23-26. 	<p>CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.</p>
6	<p>第十八课: 我去邮局寄包裹</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo câu liên động. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. 	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học theo cặp, nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực 	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>- Giới thiệu được các hoạt động ở bưu điện.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法：连动句</p> <p>五、语音：逻辑重音</p> <p>六、练习</p>		<p>hành kỹ ngôn ngữ.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[2]: Bài 18 trang 28-38.</p> <p>[3]: Bài 7, trang 61-62.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan nội dung, ghi chép bài đầy đủ.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả.</p> <p>+ Thực hành hội thoại hỏi đáp hoạt động ở bưu điện.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [2]: Bài 18, trang 35-38.</p>	
7	<p>第十九课: 可以试试吗?</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới.</p> <p>- Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo động từ lặp lại, cách biểu đạt giá tiền, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿” .</p> <p>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</p> <p>- Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần.</p> <p>- Hội thoại, độc thoại về chủ đề mua quần áo.</p> <p>- Miêu tả quần áo mà mình</p>	7 (7LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học theo cặp, nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm.</p> <p>+ Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ ngôn ngữ.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[2]: Bài 19 trang 40-52.</p> <p>[3]: Bài 8, mục 4 trang 69,71.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	mua được. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) 动词重叠 (二) 又...又... (三) “一点儿”和“有一点儿” 五、语音 六、练习		[4]: Bài 5 trang 48-50. [4]: Bài 8 trang 72,73,75. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới. + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả. + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp chủ đề mua quần áo. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [2]: Bài 19, trang 49 - 52.	

Hải Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

A blue ink signature in cursive script.

Nguyễn Đăng Tiên

A blue ink signature in cursive script.

Nguyễn Thị Hoa